

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HS-ST
Ngày 28 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bằng Phi

Ông Lê Tuấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa: ông Hồ Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 16/6/2021 đối với:

Bị cáo **Cao Thị L** (tên gọi khác: không có); Sinh năm: 1979 tại: B; nơi cư trú: ấp Tân Long, xã Long Thạnh, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Bá D, sinh năm 1940 và bà Lê Thị Gi, sinh năm 1943; có chồng là Đặng Văn Th, sinh năm 1978. (đã ly hôn) và có 03 người con (sinh năm 2002, 2012, 2017); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

* Người bị hại: Ông Huỳnh Anh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Dung B. Địa chỉ: Số 38, đường Trần Phú, phường 3, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Út H, sinh năm 1990. Địa chỉ: xã Vĩnh Mỹ A, huyện H, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì động cơ vụ lợi bất chính , từ ngày 13/11/2020 đến ngày 18/11/2020, tại Doanh nghiệp tư nhân Kim Dung B (Sau đây gọi tắt là tiệm vàng Kim Dung II) thuộc khóm 4, phường 3, thành phố B, Cao Thị L đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối với hình thức sử dụng hợp đồng giả để chiếm đoạt tổng số tiền 73.510.560 đồng của ông Huỳnh Anh T. Cụ thể như sau:

- Vào ngày 12/11/2020, chị Trịnh Thị L1 đem một chiếc lắc đeo tay trọng lượng 7,910 chỉ, loại vàng 17K đến Tiệm vàng Kim Dung 2 cầm với giá 4.000.000 đồng. Lúc này, L nhận vàng từ chị L1, rồi lấy hai hợp đồng thể chấp cầm cố tài sản của tiệm vàng ra ghi tên khách hàng, đặc điểm và số lượng vàng cầm cố vào hợp đồng. Sau khi ghi hợp đồng xong, L đưa hợp đồng và vàng cho bà Hà Kim D (vợ ông Huỳnh Anh T – Chủ tiệm vàng Kim Dung 2) kiểm tra và ký tên vào hợp đồng, rồi đưa một hợp đồng cho chị L1 giữ, một hợp đồng còn lại bà D cột kèm với vàng thể chấp cất vào trong tủ để quản lý. Lợi dụng lúc bà D kiểm tra vàng và ký hợp đồng, L lấy trộm một mẫu hợp đồng cầm cố vàng chưa ghi thông tin giấu vào trong túi quần và ghi nhớ tên khách hàng, đặc điểm và số lượng vàng cầm cố rồi về nhà ghi lại vào tờ hợp đồng mẫu đã lấy trộm. Đến ngày 13/11/2020, L đến khu vực chợ phường 3, thành phố B thuê một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ nhân thân) và đưa số tiền 4.020.000 đồng đến tiệm vàng Kim Dung 2 để chuộc chiếc lắc vàng có đặc điểm như trên về giao lại cho L và nhận tiền công 200.000 đồng. Sau khi L chiếm đoạt được chiếc lắc vàng, đã đem đến tiệm vàng Tám Tỷ thuộc khóm 2, phường 3, thành phố B, tỉnh B bán được 20.000.0000 đồng, số tiền chiếm đoạt, L tiêu xài cá nhân hết.

- Vào ngày 17/11/2020, anh Mã Phú Đ đem một chiếc lắc đeo tay trọng lượng 10,0290 chỉ, loại vàng 23K đến tiệm vàng Kim Dung 2 cầm với giá 10.000.000 đồng. Lúc này, L lấy vàng từ anh Đ, rồi lấy 02 (hai) hợp đồng thể chấp cầm cố tài sản của tiệm vàng ra ghi tên khách hàng, đặc điểm và số lượng vàng cầm cố vào hợp đồng. Sau khi ghi hợp đồng xong, L đưa hợp đồng và vàng cho anh Huỳnh Quang K (con ông T) kiểm tra và ký tên vào hợp đồng, rồi đưa một hợp đồng cho anh Đ giữ, một hợp đồng còn lại anh K cột kèm với vàng thể chấp cất vào trong tủ để quản lý. Lợi dụng lúc anh K kiểm tra vàng và ký hợp đồng, L lén lấy trộm một hợp đồng thể chấp vàng chưa ghi thông tin và cất vào trong túi quần, rồi ghi nhớ tên khách hàng, đặc điểm và số lượng vàng cầm cố để về nhà ghi lại vào hợp đồng mà L lấy trộm. Đến ngày 18/11/2020, L đến khu vực chợ phường 3, thành phố B thuê một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ nhân thân) và đưa số tiền 10.050.000 đồng đến tiệm vàng Kim Dung 2 để chuộc chiếc lắc vàng có đặc điểm như trên về giao lại cho L và nhận tiền công 200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc lắc vàng trên, L đem đến tiệm vàng Kim

Hưng 2, thuộc khóm 8, phường 3, thành phố B, tỉnh B bán được 50.000.0000 đồng, số tiền chiếm đoạt được, L tiêu xài cá nhân. (Bút lục: 01-11; 103-120B).

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSTPBL ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Cao Thị L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Cao Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cao Thị L mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Cao Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, thể hiện bản thân bị cáo trong thời gian là làm thuê tại Doanh nghiệp tư nhân Kim Dung B với nhiệm vụ giao dịch tại quầy mua bán vàng, cầm vàng, bị cáo đã lợi dụng sự quản lý thiếu chặt chẽ của chủ doanh nghiệp, tự ý lấy các mẫu Hợp đồng cầm vàng và sao chép nội dung của hợp đồng cầm vàng mà bị cáo đã trực tiếp giao dịch để lập hợp đồng giả có cùng nội dung đã giao dịch, rồi giả chữ ký người có thẩm quyền được chủ doanh nghiệp giao ký kết hợp đồng cầm vàng gồm vợ và con của ông Huỳnh Anh T, sau đó, nhờ người khác dùng hợp đồng giả để chuộc vàng, nhằm đem bán vàng để chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn này bị cáo đã thực hiện đạt hai lần lấy tài sản của Doanh nghiệp tư nhân Kim Dung, cụ thể như sau:

[2] Lần thứ nhất: bị cáo đã làm giả Hợp đồng cầm vàng ngày 12/11/2020 của chị Trịnh Thị L1, giả chữ ký của bà Hà Kim D trên Hợp đồng này, đến ngày 13/11/2020, bị cáo nhờ người mang số tiền 4.020.000 đồng đến chuộc chiếc lắc đeo tay trọng lượng 7,910 chỉ, loại vàng 17K mà chị L1 đã cầm để chiếm đoạt chiếc lắc này. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B (bút lục 37-38), kết luận chiếc lắc này có giá vàng là 32.272.800 đồng và tiền công thợ là: 320.000 đồng. Như vậy, số tiền L chiếm đoạt của Tiệm vàng bao gồm giá vàng và tiền công thợ, trừ đi số tiền mà bị cáo đã chi trả cho việc chuộc lại chiếc lắc này, do đó, Hội đồng xét xử xác định giá trị mà bị cáo chiếm đoạt lần thứ nhất là: $32.272.800 + 320.000 - 4.020.000 = 28.572.800$ đồng. Lời

khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của phía chủ tiệm vàng và kết luận giám định chữ ký, chữ viết có trên hợp đồng cầm vàng ký hiệu A1 đều là chữ của bị cáo, không phải chữ ký của bà Hà Kim D. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lập giả hợp đồng cầm vàng nhằm chiếm đoạt tài sản của Tiệm vàng Kim Dung 2 trong lần thứ nhất với giá trị 28.572.800 đồng.

[3] Với thủ đoạn tương tự, bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt tài sản lần thứ hai bằng cách làm giả hợp đồng cầm vàng ngày 17/11/2020 của anh Mã Phú Đ, lập hợp đồng cầm đồ giả và giả chữ ký của anh Huỳnh Quang K để chiếm đoạt một chiếc lắc đeo tay trọng lượng 10,0290 chỉ, loại vàng 23K mà anh Đ đã cầm tại tiệm vàng Kim Dung 2 với giá 10.000.000 đồng. Đến ngày 18/11/2020, bị cáo thuê một người đàn ông chạy xe ôm dùng số tiền 10.050.000 đồng đến tiệm vàng Kim Dung 2 để chuộc chiếc lắc vàng này. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 11 tháng 01 năm 2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B (Bút lục 30-31) kết luận chiếc lắc này có giá vàng là 54.557.760 đồng, tiền công thợ là 360.000 đồng. Như vậy, số tiền L chiếm đoạt của Tiệm vàng bao gồm giá vàng và tiền công thợ, trừ đi số tiền mà bị cáo đã chi trả cho việc chuộc lại chiếc lắc này, do đó, Hội đồng xét xử xác định giá trị mà bị cáo chiếm đoạt lần thứ hai là: $54.557.760 + 360.000 - 10.050.000 = 44.867.760$ đồng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của phía chủ tiệm vàng, chữ viết có trên hợp đồng này đều là chữ của bị cáo. Mặc dù chữ ký tên anh Kiệt trên hợp đồng này qua giám định là phù hợp với chữ ký của anh Kiệt nhưng anh Kiệt xác định không đúng và bị cáo xác định là do bị cáo tự ký. Sự việc này phù hợp với thủ đoạn mà bị cáo đã thực hiện trong vụ thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của bị cáo và anh K xác định Hợp đồng cầm vàng ký hiệu A2 này là Hợp đồng giả mà bị cáo đã lập và sử dụng để làm thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Tiệm vàng Kim Dung 2 trong lần thứ hai với giá trị 44.867.760 đồng.

[4] Bị cáo thực hiện hai hành vi nêu trên trong trạng thái đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp nên hành vi của bị cáo trong cả hai lần nêu trên đều đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Do tổng số tiền chiếm đoạt trong cả hai lần lên đến 73.440.560 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội phạm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[5] Quá trình điều tra và truy tố, những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những

người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt cho bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mang tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Do bị cáo phạm tội hai lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đồng thời không đủ điều kiện được hưởng án treo.

[8] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả theo yêu cầu của người bị hại, đồng thời người bị hại đã có yêu cầu bãi nại đối với bị cáo và việc bị cáo đã tự nguyện đầu thú để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, do hoàn cảnh khó khăn nên nhất thời phạm tội, hoàn cảnh bị cáo đã ly hôn và là phụ nữ đang trực tiếp nuôi 3 người con chưa thành niên nên xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn so với khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[9] Về vật chứng trong vụ án: không có.

[10] *Về trách nhiệm dân sự*: người bị hại đã nhận tiền bồi thường 39.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường thêm và không đặt ra yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] *Về án phí*: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

[12] *Về quyền kháng cáo*: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

[13] Ngoài ra, Đối với hai người đàn ông chạy xe ôm, do không xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra không làm việc được.

Đối với tiệm vàng Tám Tỷ, tiệm vàng Kim Hưng 2, không xác định có mua vàng của Cao Thị L nên Cơ quan điều tra không thu hồi được và không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Cao Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Cao Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu.

Trần Bích Ngọc